

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 34

CÔNG
CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY
TRỒNG MIỀN
NAM-T.Đ

MIỀN NAM

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Củ Chi, Chi nhánh Cai Lậy, Chi nhánh Cờ Đỏ, Chi nhánh Lâm Hà, Chi nhánh Tân Hiệp, Chi nhánh Miền Trung, Chi nhánh Trà Vinh, Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam và Trung tâm Kinh doanh và Phát triển Hạt giống Rau Hoa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Nam	Thành viên
Ông Dương Quang Sáu	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Lương Mai Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Nam	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh tình hình và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61000411/22633533-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

17/08/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		302.797.069.485	294.578.086.022
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	60.894.196.398	91.610.861.476
111	1. Tiền		17.894.196.398	14.263.712.781
112	2. Các khoản tương đương tiền		43.000.000.000	77.347.148.695
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		155.558.872.293	164.729.495.469
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	76.305.765.649	104.030.505.554
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.936.220.632	3.246.897.249
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.3	69.000.000.000	55.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5.4	4.810.386.142	3.832.622.532
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.5	(1.493.500.130)	(1.380.529.866)
140	III. Hàng tồn kho	6	84.598.893.792	37.139.365.382
141	1. Hàng tồn kho		91.582.815.508	43.358.820.813
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.983.921.716)	(6.219.455.431)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.745.107.002	1.098.363.695
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	561.354.544	322.247.465
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	407.636.228	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		776.116.230	776.116.230
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		188.687.050.265	187.832.869.903
220	I. Tài sản cố định		75.663.621.928	80.757.105.498
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	28.595.245.618	33.254.913.454
222	Nguyên giá		143.166.736.396	143.078.061.396
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(114.571.490.778)	(109.823.147.942)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	47.068.376.310	47.502.192.044
228	Nguyên giá		54.649.059.344	54.649.059.344
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.580.683.034)	(7.146.867.300)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.447.921.180	971.174.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.447.921.180	971.174.909
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	99.000.000.000	99.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.349.764.000	3.349.764.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		99.000.000.000	99.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.349.764.000)	(3.349.764.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.575.507.157	7.104.589.496
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.778.243.964	3.268.992.108
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	3.787.263.193	3.825.597.388
268	3. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		491.484.119.750	482.410.955.925



1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		152.454.614.919	139.821.226.238
310	I. Nợ ngắn hạn		152.454.614.919	139.821.226.238
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	3.524.457.001	15.899.764.724
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	4.604.487.823	1.336.763.480
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.234.465.169	3.233.743.340
314	4. Phải trả người lao động		5.080.870.477	8.069.503.110
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	9.261.880.457	9.876.118.059
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	122.114.370.986	100.901.283.555
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	2.634.083.006	504.049.970
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		339.029.504.831	342.589.729.687
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	339.029.504.831	342.589.729.687
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(116.847.528.444)	(116.847.528.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		120.509.904.583	114.497.903.461
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		176.923.044.280	186.495.270.258
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		157.077.979.571	147.000.760.338
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		19.845.064.709	39.494.509.920
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		491.484.119.750	482.410.955.925



(Handwritten signature)

Ma Hoàng Kim Trang
Người lập

(Handwritten signature)

Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	150.430.864.937	278.478.403.863
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(6.000.088.045)	(8.253.035.111)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	144.430.776.892	270.225.368.752
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(96.944.146.725)	(223.605.625.286)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng		47.486.630.167	46.619.743.466
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	2.438.785.016	1.688.887.535
22	7. Chi phí tài chính	19	(795.549.396)	(103.783.344)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(94.014.886)
25	8. Chi phí bán hàng	20, 21	(12.839.360.884)	(11.577.812.476)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	(13.850.397.051)	(13.508.987.182)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.440.107.852	23.118.047.999
31	11. Thu nhập khác	22	3.219.499.026	2.043.765.680
32	12. Chi phí khác	22	(703.151.353)	(763.165.212)
40	13. Lợi nhuận khác	22	2.516.347.673	1.280.600.468
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.956.455.525	24.398.648.467
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(5.073.056.621)	(5.910.526.389)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(38.334.195)	1.030.796.695
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.845.064.709	19.518.918.773
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.376	1.350
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	1.376	1.350

946883
GTY
HÂN
TRẦN
NAM
PHÓ CHÍ

Ma Hoàng Kim Trang
Người lập

Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.956.455.525	24.398.648.467
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	5.182.158.570	5.866.162.554
03	Các khoản dự phòng		877.436.549	3.146.751.419
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		96.762	(748.738)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.129.904.093)	(1.685.177.347)
06	Chi phí lãi vay	19	-	94.014.886
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.886.243.313	31.819.651.241
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		23.254.247.489	(76.359.088.743)
10	Tăng hàng tồn kho		(48.223.994.695)	(29.471.294.983)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(9.019.082.861)	13.394.779.001
12	Giảm chi phí trả trước		251.641.065	9.106.409.630
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(94.014.886)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(2.989.978.998)	(1.680.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(490.800.000)	(852.143.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(8.331.724.687)	(54.135.701.740)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(9.910.516.917)	(36.545.455)
23	Tiền chi cho vay		(14.000.000.000)	(30.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		1.525.673.288	1.452.755.688
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(22.384.843.629)	(28.583.789.767)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	16.050.455.685
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(14.359.742.055)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	1.690.713.630



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

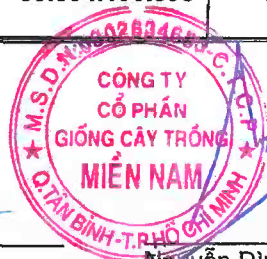
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(30.716.568.316)	(81.028.777.877)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		91.610.861.476	131.717.277.636
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(96.762)	748.738
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	60.894.196.398	50.689.248.497



Ma Hoàng Kim Trang
Người lập



Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

15828
CÔNG
CỔ P
ING CẢ
MIỀN
TỈNH-T

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Củ Chi, Chi nhánh Cai Lậy, Chi nhánh Cờ Đỏ, Chi nhánh Lâm Hà, Chi nhánh Tân Hiệp, Chi nhánh Miền Trung, Chi nhánh Trà Vinh, Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam và Trung tâm Kinh doanh và Phát triển Hạt giống Rau Hoa.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 125 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 137 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

CÔNG TY
GIỐNG CÂY TRỒNG
MIỀN NAM
PHỐ QUÊ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Quyền sử dụng đất được trích khấu hao dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không hao mòn.

CÔNG
CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY
TRỒNG MIỀN
NAM - T.Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

9 9 9 9 9
GTY
HÂN
Y TRỢ
NAM
PHỔ CỘNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	131.122.807	153.625.727
Tiền gửi ngân hàng	17.763.073.591	14.110.087.054
Các khoản tương đương tiền (*)	43.000.000.000	77.347.148.695
TỔNG CỘNG	60.894.196.398	91.610.861.476

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình có kỳ hạn gốc dưới (3) ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu từ khách hàng	31.965.931.474	30.477.543.503
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	18.170.000.000	16.166.034.519
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	1.866.003.445	3.114.634.463
Bà Phạm Thị Giao Chi	867.491.773	2.300.958.786
Khác	11.062.436.256	8.895.915.735
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	44.339.834.175	73.552.962.051
TỔNG CỘNG	76.305.765.649	104.030.505.554
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.053.461.177)	(996.311.578)
GIÁ TRỊ THUẦN	75.252.304.472	103.034.193.976

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thế Vũ	1.566.101.346	740.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng TV Thành Vinh	1.464.472.700	964.472.700
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí & Lương thực Thực phẩm	699.862.200	-
Khác	3.205.784.386	1.542.424.549
TỔNG CỘNG	6.936.220.632	3.246.897.249
Dự phòng trả trước khó đòi	(440.038.953)	(384.218.288)
GIÁ TRỊ THUẦN	6.496.181.679	2.862.678.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 25)	<u>69.000.000.000</u>	<u>55.000.000.000</u>

Các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây trồng Việt Nam	30.000.000.000 25.000.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2021 Ngày 8 tháng 8 năm 2021	4,0 4,0
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	14.000.000.000	Ngày 10 tháng 9 năm 2021	4,4
TỔNG CỘNG	<u>69.000.000.000</u>		

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tạm ứng cho nhân viên	2.053.953.027	3.132.339.640
Cung cấp dịch vụ gia công và cho thuê	1.215.260.756	-
Lãi cho vay	419.004.567	-
Khác	1.122.167.792	700.282.892
TỔNG CỘNG	<u>4.810.386.142</u>	<u>3.832.622.532</u>

Trong đó:

Các bên khác	3.144.639.446	3.832.622.532
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.665.746.696	-

5.5 Nợ xấu

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyễn Ngọc Đức	242.247.462	(242.247.462)	242.247.462	(242.247.462)
Huỳnh Tuấn Kiệt	358.162.654	(239.753.858)	306.522.654	(168.753.327)
Đại lý Sinh Tân	141.805.896	(141.805.896)	171.805.896	(171.805.896)
Khác	1.661.541.808	(869.692.914)	1.281.055.435	(797.723.181)
TỔNG CỘNG	<u>2.403.757.820</u>	<u>(1.493.500.130)</u>	<u>2.001.631.447</u>	<u>(1.380.529.866)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	81.049.514.486	(6.918.406.337)	36.378.531.537	(6.153.940.052)
Nguyên vật liệu	6.366.897.752	(65.515.379)	4.868.351.485	(65.515.379)
Hàng hóa	1.650.771.334	-	693.701.879	-
Hàng đang đi trên đường	1.005.142.000	-	-	-
Bất động sản hàng hóa	800.000.000	-	800.000.000	-
Công cụ, dụng cụ	710.489.936	-	618.235.912	-
TỔNG CỘNG	91.582.815.508	(6.983.921.716)	43.358.820.813	(6.219.455.431)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	6.219.455.431	7.632.218.625
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	6.983.921.716	11.186.219.488
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(6.219.455.431)</u>	<u>(7.632.218.625)</u>
Số cuối kỳ	<u>6.983.921.716</u>	<u>11.186.219.488</u>

8400
 CÔNG TY
 HẠN
 CHẾ
 NAM
 PHƯỚC

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	85.408.096.796	37.037.409.721	17.068.749.850	3.563.805.029	143.078.061.396
Mua trong kỳ	-	88.675.000	-	-	88.675.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	85.408.096.796	37.126.084.721	17.068.749.850	3.563.805.029	143.166.736.396
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	27.118.162.805	21.211.548.406	12.195.404.668	3.332.269.119	63.857.384.998
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(62.058.110.151)	(30.357.750.140)	(14.012.846.185)	(3.394.441.466)	(109.823.147.942)
Khấu hao trong kỳ	(2.994.981.397)	(1.289.772.538)	(399.321.648)	(64.267.253)	(4.748.342.836)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(65.053.091.548)	(31.647.522.678)	(14.412.167.833)	(3.458.708.719)	(114.571.490.778)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	23.349.986.645	6.679.659.581	3.055.903.665	169.363.563	33.254.913.454
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	20.355.005.248	5.478.562.043	2.656.582.017	105.096.310	28.595.245.618



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá:	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm vi tính	Bản quyền	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	49.827.385.520	1.351.673.824	3.470.000.000	54.649.059.344
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.629.311.770	605.463.824	-	2.234.775.594
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(4.803.440.512)	(1.290.849.261)	(1.052.577.527)	(7.146.867.300)
Hao mòn trong kỳ	(221.995.730)	(73.320.000)	(138.500.004)	(433.815.734)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(5.025.436.242)	(1.364.169.261)	(1.191.077.531)	(7.580.683.034)
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	45.023.945.008	60.824.563	2.417.422.473	47.502.192.044
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	44.801.949.278	(12.495.437)	2.278.922.469	47.068.376.310

(*) Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất Lê Văn Sỹ"). Công ty đã góp một phần giá trị khu đất Lê Văn Sỹ cho việc thành lập Công ty TNHH Phát triển Nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức ("Daewon - Thủ Đức"). Phần chênh lệch giữa giá trị khu đất theo thỏa thuận và giá trị vốn góp của Công ty vào Cantavil sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon - Thủ Đức và tiền độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành, Công ty chưa ghi nhận việc bán giao Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên (Thuyết minh số 15).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự án Trung tâm Nghiên cứu gạo Chi nhánh Cờ Đỏ	6.830.421.180	353.674.909
Phần mềm	617.500.000	617.500.000
TỔNG CỘNG	7.447.921.180	971.174.909

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 10.1)	3.349.764.000	3.349.764.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 10.2)	99.000.000.000	99.000.000.000
TỔNG CỘNG	102.349.764.000	102.349.764.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.349.764.000)	(3.349.764.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	99.000.000.000	99.000.000.000

10.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	83,74	3.349.764.000	83,74	3.349.764.000

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSE")

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE đặt tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của SSE theo GCNĐKKD là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2013, cổ đông của Công ty đã chấp nhận thông qua kế hoạch xin phá sản của SSE theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ để chấm dứt hoạt động của SSE. Theo đó, tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định hiện hành. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty và công ty con duy nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	30	<u>99.000.000.000</u>	30	<u>99.000.000.000</u>

Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam ("Vinarice")

Vinarice là công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("CNĐKĐT") số 740732160 và Giấy CNĐKKD số 140213347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp lần lượt cấp vào ngày 13 tháng 9 năm 2018 và ngày 1 tháng 11 năm 2019, và các Giấy CNĐKĐT và CNĐKKD điều chỉnh sau đó. Trụ sở chính của Vinarice đăng ký tại Cụm công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Đồng Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và Chi nhánh Vinarice Trà Vinh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Vinarice là chế biến kinh doanh hạt giống và nông sản.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	561.354.544	322.247.465
Chi phí sửa chữa, cải tạo	312.005.469	190.019.919
Công cụ, dụng cụ	175.211.188	67.851.612
Khác	74.137.887	64.375.934
Dài hạn	2.778.243.964	3.268.992.108
Chi phí thuê đất	1.379.269.001	1.399.702.619
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.109.668.984	1.753.024.240
Công cụ, dụng cụ	205.994.481	116.265.249
Khác	83.311.498	-
TỔNG CỘNG	<u>3.339.598.508</u>	<u>3.591.239.573</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả cho người bán	3.524.457.001	9.762.727.524
Trung tâm Sản xuất Giống Cây Trồng Nha Hồ	807.932.500	-
Công ty TNHH Trung Đông	773.703.315	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải AQTIST	424.000.000	-
Ông Thạch Minh Trường	-	3.861.362.001
Ông Nguyễn Thái Hoàng	-	2.131.531.039
Ông Thạch Thương	-	1.429.249.036
Khác	1.518.821.186	2.340.585.448
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	6.137.037.200
TỔNG CỘNG	3.524.457.001	15.899.764.724

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH An Huy B.T	4.000.000.000	740.000.000
Khác	604.487.823	596.763.480
TỔNG CỘNG	4.604.487.823	1.336.763.480

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.989.978.998	5.073.056.621	2.989.978.998	5.073.056.621
Thuế thu nhập cá nhân	31.178.301	608.403.689	1.045.132.216	(405.550.226)
Thuế giá trị gia tăng	212.586.041	208.034.855	261.298.350	159.322.546
TỔNG CỘNG	3.233.743.340	5.889.495.165	4.296.409.564	4.826.828.941
Trong đó:				
Phải trả	3.233.743.340			5.234.465.169
Phải thu				(407.636.228)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM BÌNH-T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí thuê đất	4.863.045.239	3.680.813.031
Chi phí bản quyền	2.837.827.400	3.200.737.000
Chi phí đóng gói vận chuyển	759.563.094	1.146.272.669
Chi phí khuyến mãi và chăm sóc khách hàng	447.680.000	660.157.652
Chi phí hoa hồng	158.676.102	692.880.269
Khác	195.088.622	495.257.438
TỔNG CỘNG	9.261.880.457	9.876.118.059

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả cho Daewon - Thủ Đức (i)	60.000.000.000	60.000.000.000
Phải trả về Hợp đồng liên doanh (ii)	30.473.500.000	30.473.500.000
Phải trả về Hợp đồng chuyển nhượng (ii)	9.526.500.000	9.526.500.000
Phải trả cổ tức	19.978.259.400	-
Khác	2.136.111.586	901.283.555
TỔNG CỘNG	122.114.370.986	100.901.283.555
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	122.114.370.986	100.381.683.892
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	519.599.663

(i) Đây là giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty (mặc dù Công ty chưa yêu cầu và cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành (Thuyết minh số 8).

(ii) Đây là các khoản được Cantavil và Daewon - Thủ Đức trả trước cho Công ty theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các đối tác đang quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng này (Thuyết minh số 8).

16. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	504.049.970	2.747.199.607
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 17.1)	2.620.833.036	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(490.800.000)	(852.143.000)
Số cuối kỳ	2.634.083.006	1.895.056.607

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	149.923.670.000	8.520.414.412	(116.847.528.444)	114.497.903.461	173.003.028.341	329.097.487.770
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.518.918.773	19.518.918.773
Điều chỉnh giảm thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	149.923.670.000	8.520.414.412	(116.847.528.444)	114.497.903.461	192.554.749.111	348.649.208.540
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	149.923.670.000	8.520.414.412	(116.847.528.444)	114.497.903.461	186.495.270.258	342.589.729.687
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.845.064.709	19.845.064.709
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	6.012.001.122	(6.012.001.122)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.620.833.036)	(2.620.833.036)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(876.779.029)	(876.779.029)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(19.907.677.500)	(19.907.677.500)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	149.923.670.000	8.520.414.412	(116.847.528.444)	120.509.904.583	176.923.044.280	339.029.504.831



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	19.907.677.500	-

17.3 Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu quỹ	(1.720.582)	(1.720.582)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.271.785	13.271.785

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND).

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng doanh thu	150.430.864.937	278.478.403.863
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	145.918.686.684	268.625.495.413
Doanh thu bán hàng hóa	3.862.575.901	9.852.908.450
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	649.602.352	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(6.000.088.045)	(8.253.035.111)
Chiết khấu thương mại	(5.286.593.511)	(7.195.335.597)
Hàng bán bị trả lại	(485.480.348)	(899.304.667)
Giảm giá hàng bán	(228.014.186)	(158.394.847)
DOANH THU THUẦN	<u>144.430.776.892</u>	<u>270.225.368.752</u>
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	123.106.480.008	117.531.101.621
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	21.324.296.884	152.694.267.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	2.129.904.093	1.685.177.347
Lãi chậm thanh toán	308.880.923	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	3.710.188
TỔNG CỘNG	<u>2.438.785.016</u>	<u>1.688.887.535</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chiết khấu thanh toán	777.665.634	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.883.762	-
Chi phí lãi vay	-	94.014.886
Khác	-	9.768.458
TỔNG CỘNG	<u>795.549.396</u>	<u>103.783.344</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí bán hàng	12.839.360.884	11.577.812.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.701.405.099	4.070.681.606
Chi phí nhân viên	4.560.704.008	2.576.573.290
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.617.928.669	1.319.141.338
Chi phí vật liệu đóng gói	318.178.309	1.855.608.359
Chi phí khác	641.144.799	1.755.807.883
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.850.397.051	13.508.987.182
Chi phí nhân viên	7.966.841.511	7.364.983.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.896.325.471	1.440.322.278
Chi phí khấu hao và hao mòn	994.655.150	806.216.922
Chi phí khác	2.992.574.919	3.897.464.089
TỔNG CỘNG	<u>26.689.757.935</u>	<u>25.086.799.658</u>

99999
 GTY
 HÂN
 LY TRON
 NAM
 PHO CA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên vật liệu	86.837.121.719	167.960.315.747
Chi phí nhân viên	17.950.889.081	22.072.222.166
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 7 và 8)	5.182.158.570	5.866.162.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.175.895.316	21.761.110.499
Chi phí khác	5.487.839.974	31.032.613.978
TỔNG CỘNG	<u>123.633.904.660</u>	<u>248.692.424.944</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập khác	3.219.499.026	2.043.765.680
Lãi từ đền bù phá vỡ hợp đồng	2.240.000.000	-
Lãi từ cho thuê tài sản	736.685.305	1.404.184.196
Khác	242.813.721	639.581.484
Chi phí khác	(703.151.353)	(763.165.212)
Chi phí từ cho thuê tài sản	(516.859.814)	(502.614.829)
Chi phí hỗ trợ nông dân	(100.380.000)	(235.634.100)
Khác	(85.911.539)	(24.916.283)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.516.347.673</u>	<u>1.280.600.468</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thuế TNDN hiện hành	5.073.056.621	5.910.526.389
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	38.334.195	(1.030.796.695)
TỔNG CỘNG	<u>5.111.390.816</u>	<u>4.879.729.694</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.956.455.525	24.398.648.467
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.991.291.105	4.879.729.692
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	120.099.711	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	5.111.390.816	4.879.729.692

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong kỳ như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.339.849.349	1.975.223.611	364.625.738	(603.027.156)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	685.881.956	685.881.956	-	676.621.333
Chiết khấu thương mại	761.531.888	1.164.491.821	(402.959.933)	957.202.518
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.787.263.193	3.825.597.388		
(Chi phí) thu-nhập thuế TNDN hoãn lại			(38.334.195)	1.030.796.695



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	19.845.064.709	19.518.918.773
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.587.605.177)	(1.603.200.300)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	18.257.459.532	17.915.718.474
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.271.785	13.271.785
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.376	1.350
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.376	1.350

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2020 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây trồng Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	19.192.293.000	-
		Bán hàng hóa	18.948.646.632	26.704.412.254
		Cần trừ công nợ	4.902.374.000	10.927.148.424
		Mua hàng hóa	4.902.374.000	4.962.786.951
		Cung cấp dịch vụ	1.269.674.860	2.221.417.138
		Lãi cho vay Cho vay	1.100.493.152 -	153.863.014 30.000.000.000
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty liên kết	Cần trừ công nợ	14.921.233.800	1.982.040.000
		Cho vay	14.000.000.000	-
		Mua hàng hóa	8.784.196.600	2.151.149.067
		Bán hàng hóa	1.726.047.900	126.805.057.967
		Lãi cho vay và lãi chậm thanh toán	455.319.476	-
		Cung cấp dịch vụ	57.751.449	315.491.652
		Góp vốn bằng tài sản	-	22.800.101.936



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây trồng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	34.981.349.619	29.046.346.452
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	9.358.484.556	44.506.615.599
			44.339.834.175	73.552.962.051
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 5.3)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây trồng Việt Nam	Công ty mẹ	Cho vay	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty liên kết	Cho vay	14.000.000.000	-
			69.000.000.000	55.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 5.4)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây trồng Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.215.260.756	-
		Lãi cho vay	367.671.234	-
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty liên kết	Lãi cho vay và phạt chậm thanh toán	82.814.706	-
			1.665.746.696	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12.1)				
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	6.137.037.200
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty liên kết	Chi hộ	-	519.599.663



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT"), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Hội đồng Quản trị			
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	101.835.321	50.400.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Cựu chủ tịch	23.917.660	50.400.000
Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch	194.917.660	50.400.000
Ông Bùi Quang Sơn	Thành viên	101.835.321	16.800.000
Ông Nguyễn Đình Nam	Thành viên HDQT		
	kiểm Tổng Giám đốc	791.417.215	194.269.615
Ông Dương Quang Sáu	Thành viên	77.917.660	-
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	23.917.660	50.400.000
Ban Giám đốc			
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Tổng Giám đốc	-	667.694.017
Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám đốc	471.640.385	382.576.236
Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	50.000.000	383.126.236
Ban Kiểm soát			
		362.271.657	88.200.000
TỔNG CỘNG		2.199.670.539	1.934.266.104



26. CÁC CAM KẾT

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Công ty đang thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	3.057.915.268	4.225.904.589
Từ 1 đến 5 năm	1.341.450.327	2.301.171.387
Trên 5 năm	4.387.701.337	4.990.068.965
TỔNG CỘNG	8.787.066.933	11.517.144.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng, thuê đất và thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	450.000.000	1.200.922.176
Từ 1 đến 5 năm	150.461.088	300.922.176
TỔNG CỘNG	600.461.088	1.501.844.352

Cam kết vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có cam kết hợp đồng cho việc xây dựng dự án Dự án Trung tâm Nghiên cứu Lúa tại Chi nhánh Cờ Đỏ ("Dự án Cờ Đỏ") như sau:

	VND		
	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
Dự án Cờ Đỏ	20.105.658.909	10.491.493.417	9.614.165.492


27. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	6.762.800.000	31.077.800.000
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	7.776.505.882	7.687.029.507
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	763	823

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được Công ty nhận giữ hộ theo các Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia số 03/HĐMT/DTQG/2020 ngày 29 tháng 9 năm 2020.

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.


Ma Hoàng Kim Trang
Người lập


Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2021 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn